

Số: 462/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 06 tháng 6 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư  
nguồn ngân sách địa phương năm 2023 sang năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN  
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 435/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước  
năm 2024;

Xét Tờ trình số 18/TTr-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công  
nguồn ngân sách địa phương năm 2023 sang năm 2024; Báo cáo thẩm tra số  
371/BC-KTNS ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng  
nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng  
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quyết định kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư  
công nguồn ngân sách địa phương năm 2023 đến hết ngày 31/12/2024 với tổng  
số vốn là **39.926.576.076 đồng** (Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ, chín trăm hai mươi  
sáu triệu, năm trăm bảy mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó:

- Ngân sách cấp tỉnh là 34.822.319.000 đồng;
- Ngân sách cấp huyện là 4.985.301.076 đồng;
- Ngân sách cấp xã là 118.956.000 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục kèm theo)

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương liên quan và chủ đầu tư tập trung đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công theo đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả của từng dự án; đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024 phải giải ngân 100% số vốn được phép kéo dài của năm 2023 chuyển sang năm 2024.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVII, Kỳ họp thứ Hai mươi nhất trí thông qua ngày 06 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. / . *R. K. W. 06*

### **Nơi nhận:** *1/1*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Công TTĐT Đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV<sup>Miền</sup>.

**CHỦ TỊCH**

**Trần Quốc Toản**

**PHỤ LỤC**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 SANG NĂM 2024  
(Nguồn vốn ngân sách địa phương)**

*(Kèm theo Nghị quyết số 462/NQ-HĐND ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị tính: Đồng*

| STT       | Tên dự án   | Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 | Giải ngân vốn NSDP năm 2023 đến 31/01/2024 | Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 còn lại | Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 đề nghị kéo dài sang năm 2024 | Lý do đề nghị kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn NSDP năm 2023 sang năm 2024   |
|-----------|---|----------------------------|--|------------------------------------|--|--|
| 1         | 3   | 4                          | 5  | 6                                  | 7  | 8  |
|           | <b>TỔNG SỐ</b>  | 70.537.414.493             | 33.815.541.443                             | 40.118.473.050                     | 39.926.576.076   |  |
| <b>A</b>  | <b>NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>   | 34.990.545.000             | 167.106.000                                | 34.823.439.000                     | 34.822.319.000   |  |
| <b>I</b>  | <b>BQL dự án ĐTXD công trình Nông nghiệp và PTNT</b>  | 20.000.000.000             | 167.106.000                                | 19.832.894.000                     | 19.832.894.000   |  |
| 1         | Xử lý khẩn cấp về thiên tai sự cố sạt lở kênh xả tiêu cống Vông Phan tại vị trí K12+010 đê tả sông Luộc, huyện Phù Cừ | 20.000.000.000             | 167.106.000                                | 19.832.894.000                     | 19.832.894.000   | - Thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP<br>- Dự án được bổ sung kế hoạch đầu tư từ dự phòng ngân sách nhà nước năm 2023 nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép giải ngân vào năm sau  |
| <b>II</b> | <b>Chi cục QLDD và PCLB tỉnh</b>  | 14.990.545.000             | -  | 14.990.545.000                     | 14.989.425.000   |  |
| 1         | Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở kè Nguyễn Hòa, tương ứng K20+030, đê tả sông Luộc, huyện Phù Cừ                           | 14.990.545.000             | -  | 14.990.545.000                     | 14.989.425.000   | - Thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP<br>- Dự án được bổ sung kế hoạch đầu tư từ dự phòng ngân sách nhà nước năm 2023 nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép giải ngân vào năm sau  |
| <b>B</b>  | <b>NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN</b>  | 31.224.293.493             | 29.451.305.661                             | 5.169.587.832                      | 4.985.301.076  |  |
| <b>I</b>  | <b>Huyện Khoái Châu</b>   | 24.423.690.054             | 25.338.567.265                             | 2.481.722.789                      | 2.297.438.076  |  |
| 1         | Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.377 đi ĐT.383 (qua đền Triệu Quang Phục)   | 3.400.000                  | 2.104.751.180                              | 1.295.248.820                      | 1.247.794.300  | - Thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP<br>- Công trình có biên bản bàn giao đưa vào sử dụng năm 2023, dự án không được bố trí vốn kế hoạch năm sau; số vốn còn lại quyết toán công trình |

*Được*

| STT       | Tên dự án  | Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 | Giải ngân vốn NSDP năm 2023 đến 31/01/2024 | Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 còn lại | Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 đề nghị kéo dài sang năm 2024 | Lý do đề nghị kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn NSDP năm 2023 sang năm 2024  |
|-----------|--|----------------------------|--|------------------------------------|--|---|
| 2         | Xây dựng đường điện chiếu sáng ĐT.383 (Đoạn từ Bình Kiều đi Đông Kết).   | 3.065.164.000              | 2.678.906.000                              | 386.258.000                        | 378.068.000  | - Thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP<br>- Công trình có biên bản bàn giao đưa vào sử dụng năm 2023, dự án không được bố trí vốn kế hoạch năm sau; số vốn còn lại thanh toán sau khi thực hiện quyết toán công trình |
| 3         | Xây dựng nhà để Xuồng cứu hộ và các vật tư phục vụ công tác PCLB   | 700.000.000                | 657.629.000                                | 42.371.000                         | 28.369.000   | - Thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP<br>- Công trình có biên bản bàn giao đưa vào sử dụng năm 2023, dự án không được bố trí vốn kế hoạch năm sau; số vốn còn lại thanh toán sau khi thực hiện quyết toán công trình |
| 4         | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở xã Đông Tào, huyện Khoái Châu (thuộc khu đất dự kiến quy hoạch Chợ đầu mối nông sản và HTKT khu nhà ở Đông Tào, huyện Khoái Châu) - Giai đoạn I                                  | 10.438.926.054             | 10.281.021.054                             | 157.905.000                        | 157.905.000  | - Thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP<br>- Công trình có biên bản bàn giao đưa vào sử dụng năm 2023, dự án không được bố trí vốn kế hoạch năm sau; số vốn còn lại thanh toán sau khi thực hiện quyết toán công trình |
| 5         | Cải tạo chỉnh trang một số hạng mục trong khuôn viên trụ sở làm việc Huyện ủy Khoái Châu   | 4.348.000.000              | 3.855.433.031                              | 492.566.969                        | 377.928.776  | - Thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP<br>- Công trình có biên bản bàn giao đưa vào sử dụng năm 2023, dự án không được bố trí vốn kế hoạch năm sau; số vốn còn lại thanh toán sau khi thực hiện quyết toán công trình |
| 6         | Tu sửa cống qua bãi xã Đại Tập, kênh tiêu chính trạm bơm Ninh Tập (đoạn từ cống số 3 cửa cống Liên Khê) và cống đầu kênh tiêu T1, huyện Khoái Châu   | 5.868.200.000              | 5.760.827.000                              | 107.373.000                        | 107.373.000  | - Thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP<br>- Công trình có biên bản bàn giao đưa vào sử dụng năm 2023, dự án không được bố trí vốn kế hoạch năm sau; số vốn còn lại thanh toán sau khi thực hiện quyết toán công trình |
| <b>II</b> | <b>Huyện Kim Động</b>  | <b>6.800.603.439</b>       | <b>4.112.738.396</b>                       | <b>2.687.865.043</b>               | <b>2.687.863.000</b>                                     |   |
| 1         | Hạ tầng KT khu tái định cư phục vụ GPMB thực hiện DA ĐTXD công trình cải tạo, nâng cấp đường huyện ĐH.72 và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở xã Hiệp Cường. Hạng mục: San nền, nền đường, nền vỉa hè | 3.315.684.889              | 1.887.202.500                              | 1.428.482.389                      | 1.428.482.000  | - Thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP<br>- Công trình có biên bản bàn giao đưa vào sử dụng năm 2023, dự án không được bố trí vốn kế hoạch năm sau; số vốn còn lại thanh toán sau khi thực hiện quyết toán công trình |

| STT      | Tên dự án   | Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 | Giải ngân vốn NSDP năm 2023 đến 31/01/2024 | Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 còn lại | Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 đề nghị kéo dài sang năm 2024 | Lý do đề nghị kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn NSDP năm 2023 sang năm 2024  |
|----------|---|----------------------------|--|------------------------------------|--|---|
| 2        | Hạ tầng KT khu tái định cư phục vụ GPMB thực hiện DA ĐTXD công trình cải tạo, nâng cấp đường huyện ĐH.72 và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở xã Hiệp Cường. Hạng mục: Mặt đường, mặt vỉa hè, thoát nước, cấp nước và cấp điện | 1.053.918.550              | 880.759.677                                | 173.158.873                        | 173.158.000  | - Thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP<br>- Công trình có biên bản bàn giao đưa vào sử dụng năm 2023, dự án không được bố trí vốn kế hoạch năm sau; số vốn còn lại thanh toán sau khi thực hiện quyết toán công trình |
| 3        | Đắp bờ vùng, kè mái sông Kim Ngưu xã Toàn Thắng   | 1.000.000.000              | 920.814.219                                | 79.185.781                         | 79.185.000   | - Thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP<br>- Công trình có biên bản bàn giao đưa vào sử dụng năm 2023, dự án không được bố trí vốn kế hoạch năm sau; số vốn còn lại thanh toán sau khi thực hiện quyết toán công trình |
| 4        | Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Kim Động   | 1.431.000.000              | 423.962.000                                | 1.007.038.000                      | 1.007.038.000  | - Thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP<br>- Dự án được bổ sung kế hoạch đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách nhà nước năm 2023 nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép giải ngân vào năm sau                         |
| <b>C</b> | <b>NGÂN SÁCH CẤP XÃ</b>   | <b>4.322.576.000</b>       | <b>4.197.129.782</b>                       | <b>125.446.218</b>                 | <b>118.956.000</b>                                       |   |
|          | <b>Huyện Kim Động</b>   | <b>4.322.576.000</b>       | <b>4.197.129.782</b>                       | <b>125.446.218</b>                 | <b>118.956.000</b>                                       |   |
| 1        | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Đức Hợp (đoạn từ vườn trại các cụ đến xứ đồng - Vườn thánh Đức Ninh)   | 1.900.000.000              | 1.888.304.782                              | 11.695.218                         | 11.695.000   | - Thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP<br>- Công trình có biên bản bàn giao đưa vào sử dụng năm 2023, dự án không được bố trí vốn kế hoạch năm sau; số vốn còn lại thanh toán sau khi thực hiện quyết toán công trình |
| 2        | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Vũ Xá (Đoạn từ đường ĐT.377 đến cống Đá) thôn Lê Xá  | 2.422.576.000              | 2.308.825.000                              | 113.751.000                        | 107.261.000  | - Thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP<br>- Công trình có biên bản bàn giao đưa vào sử dụng năm 2023, dự án không được bố trí vốn kế hoạch năm sau; số vốn còn lại thanh toán sau khi thực hiện quyết toán công trình |